

PHẨM THỨ CHÍN: “THỌ HỌC VÔ HỌC NHƠN KÝ”

Phần thứ hai trong việc thọ ký thuộc phẩm này là vì người học và Vô học mà thọ ký nên lấy đó làm đề mục của phẩm. Căn cứ trong phẩm này tự có hai đoạn:

1. Xin được thọ ký.
2. Phạt thọ ký.

Trong đoạn xin được thọ ký tự có hai phần: 1. Hai vị A-nan và La-hầu-la xin được thọ ký; 2. Nêu ra hai nghìn người xin được thọ ký.

“Phật bảo A-nan “ông ở đời sau” trở xuống là nêu lên đoạn thứ hai “Phạt thọ ký”. Trong đoạn thọ ký này cũng có hai phần; 1. Trước hết thọ ký cho A-nan và La-hầu-la; 2. Thọ ký cho hai nghìn người.

Trong phần thứ nhất cũng có hai phần: 1. Thọ ký cho A-nan; 2. Thọ ký cho La-hầu-la.

Trong việc thọ ký cho A-nan tự có năm phần:

1. Vì A-nan mà thọ ký.
2. Từ “Bấy giờ trong hội có hàng Bồ-tát mới phát tâm thấy A-nan được thọ ký liền sanh tâm nghi ngờ.
3. Từ “Bấy giờ, đức Thế tôn biết tâm niệm của các vị Bồ-tát” trở xuống là nêu lên nhân duyên xưa để giải thích tâm niệm nghi ngờ của đại chúng.

4. “Ngài A-Nan tận mặt ở trước Phật” trở xuống nêu lên A-nan vì nghe nhân duyên xưa kia mà đạt được Túc mạng trí.

5. Nói lên kệ để khen ngợi Như Lai.

“Phật bảo La-hầu-la” trở xuống tức là nêu lên việc thọ ký cho La-hầu-la. Trong phần này tự có kệ tụng và Văn Trường hàng và mỗi phần được phân làm hai. “Bấy giờ, đức Thế Tôn thấy bậc hữu và hàng Vô học ý chí hòa điệu” trở xuống là nêu lên phần thứ hai thọ ký cho hai nghìn người Hữu học và Vô học”.

Trong việc thọ ký này tự có hai phần: 1. Thọ ký; 2. Hạng người Hữu học và Vô học được thọ ký rồi liền sanh vui mừng mà khen ngợi Phật.

PHẨM THỨ MƯỜI: “PHÁP SƯ”

Phẩm này trình bày về công đức năm loại pháp sư thọ trì, đọc tụng, hiểu nói và ghi chép. Mười hai “Phẩm kinh nêu lên việc khai mở ba thừa và hiển bày một thừa để nói rõ nghĩa nhân vốn có bốn đoạn: 1. Lược nói khai mở ba thừa và hiển bày một thừa để kích động tình chấp mà sanh nghi; 2. Do hoài nghi cho nên đến thỉnh hỏi; 3. Rộng nói lên việc khai mở ba thừa và hiển bày một thừa để đoạn nghi sanh tín. Như vậy, ba đoạn đã nói xong từ đây trở xuống lại có bốn phẩm kinh là thuộc đoạn thứ tư riêng gọi là nghĩa “lưu thông nhân”. Ở trước lại giải thích rằng đoạn thứ nhất và thứ hai mỗi đoạn được khai mở làm hai phần, còn đoạn thứ ba và thứ tư mỗi đoạn được khai mở làm ba phần. Xét trong đoạn thứ tư này được làm ba phần tức là: 1. Hai phẩm “Pháp Sư” và “Hiện Bảo Tháp” nói rõ người thọ trì kinh này và người lưu thông kinh được hưởng công sâu, quả báo nhiều, tức nói rõ công sâu, báo nhiều, nên bảo tìm người lưu thông kinh; 2. Phẩm Trì tức tức lúc bấy giờ đại chúng đã nghe được công sâu, báo nhiều, tức có khả năng lưu thông kinh và thọ mạng lưu thông; 3. Phẩm An Lạc Hạnh nêu lên việc nhiếp thọ người thối đọa. Tại sao? Vì lúc ấy trong đại chúng có hàng Bồ-tát nhỏ cũng muốn tin nhận huân tập lưu thông kinh này vì thấy ở cuối phẩm Trì, nêu lên các Đại Bồ-tát ở trong đời ác này lưu truyền kinh. Hoặc có người lưu thông kinh gặp nạn xua đuổi, và nguy hiểm đến tánh mạng thì liền nói: “Chúng tôi chưa bằng đại sĩ làm sao có khả năng ở trong đời ác lưu thông kinh này, nên cùng nhau thối lui” Vì nghĩa này cho nên có phẩm An Lạc Hạnh thứ ba nêu ra bốn hạnh An lạc để nhiếp phục người thối đọa “Nếu có người muốn ở trong đời ác lưu thông kinh này phải nên tu tập bốn hạnh an lạc” thì sẽ thoát nguy được an, lia khổ được vui. Lại căn cứ trong ba đoạn này thì đoạn thứ ba được phân làm hai phần. Riêng đoạn trung gian thứ hai thì vẫn trong phần trình bày “nhận mệnh lệnh” được chia ra năm phần riêng biệt. Đoạn thứ nhất bảo tìm kiếm người lưu thông kinh có hai phần tức hai phẩm: 1. Phẩm Pháp sư nói lên đức Thích ca tự tìm người lưu thông kinh; 2. Phẩm Hiện Bảo Tháp nói lên việc đức Đa Bảo Như Lai hỗ trợ đức Thích ca tìm người lưu thông kinh.

Lại trong đoạn Phật Thích Ca tự tìm người lưu thông kinh có hai phần: 1. Từ ban đầu phẩm đến phần kệ “nay ta được lợi lớn” tức căn cứ công thưởng sâu, quả báo nhiều, chính bảo tìm kiếm người lưu thông kinh; 2. Từ “Được Vương nay bảo ông” trở xuống đến phẩm tức nêu ra,

nguyên tắc lưu thông kinh bảo tìm kiếm người lưu thông.

Xét trong phần căn cứ vào công thưởng sâu, quả báo nhiều, bảo tìm kiếm người lưu thông kinh lại có hai phần: 1. Căn cứ vào đệ tử lưu thông kinh để nói lên báo đáp thưởng công; 2. “Nếu lại có người thọ trì đọc tụng” trở xuống tức căn cứ vào Thầy để nói rõ báo đáp thưởng công. Sở dĩ biết người trước là đệ tử và người sau là Thầy là vì kinh này dùng để thọ trì đọc tụng v.v... lấy làm năm loại pháp sư mà người trước chưa có khả năng đọc tụng chỉ nghe rồi tùy hỷ mà thôi nên gọi là đệ tử. còn người sau tự có khả năng thọ trì v.v... cho nên gọi là Thầy. Trong hai đoạn này mỗi đoạn có hai phần. Căn cứ trong đoạn nói đệ tử nêu ra báo đáp thưởng công có hai phần tức là: 1. Trong đời hiện tại nêu ra đệ tử; 2. Căn cứ vào sau khi Phật diệt độ mà nói lên đệ tử. Theo ước lệ trong hai phần này mỗi phần lại có hai phần nữa. Trong đời hiện tại để nêu ra đệ tử có hai phần tức là: 1. Từ đầu phẩm đến “một niệm tùy hỷ” tức trước hết nêu ra tướng lập công của đệ tử trong đời hiện tại; 2. Nói “Ta đều thọ ký đạo Bồ-đề cho” tức nêu lên cùng được quả báo nhiều.

“Phật bảo Dục vương ! Lại sau khi Như Lai diệt độ” trở xuống là phần thứ hai tụng đệ tử sau khi Phật diệt độ. Theo ước lệ, phần này cũng có hai phần nữa: 1. Trước hết nêu ra tướng lập công của đệ tử sau khi Phật diệt độ; 2. Nói “Ta cũng thọ ký đạo Bồ-đề cho” tức nêu lên quả báo nhiều.

“Nếu lại có người thọ trì đọc tụng” trở xuống là nêu lên đoạn thứ hai tức căn cứ vào Thầy mà nói rõ báo đáp thưởng công. Trong đây cũng có hai phần tức Văn Trường hàng và kệ tụng và mỗi phần được phân làm hai. Trong phần Văn Trường hàng lại có hai phần: 1. Căn cứ vào môn riêng biệt nói rõ về Thầy; 2. “Dục vương, nếu có người ác” trở xuống tức căn cứ vào môn tổng quát nói rõ về Thầy. Sở dĩ nói riêng biệt là vì trong một đoạn văn có đầy đủ ba nghĩa: 1. Phật tại thế và sau khi Phật diệt độ có sự khác biệt; 2. Thầy của thượng phẩm và hạ phẩm; 3. Cả hai vị Thầy mỗi vị đều nói về báo đáp thưởng công. Sở dĩ nói tổng quát là vì cũng có đầy đủ ba nghĩa nêu trước. Lại trong nghĩa thứ nhất riêng biệt nói về thầy cũng có hai phần: 1. Nói lên năm loại pháp sư khi Phật còn ở đời; 2. Căn cứ sau khi Phật diệt độ mà nói nghĩa pháp sư. Xét trong hiện đời để nói đến Thầy cũng có hai phần: 1. Nêu lên pháp sư thuộc hạ phẩm khi Phật ở đời; 2. Nêu lên bậc Thượng phẩm của đời hiện tại. Sở dĩ nói có pháp sư hạ phẩm và thượng phẩm là vì nếu người đọc tụng ít thì gọi là hạ phẩm còn người đọc tụng nhiều thì gọi là thượng phẩm. Lại trong hiện tại, nêu ra pháp sư hạ phẩm tự có

hai phần: 1. Nêu ra tướng lập công của pháp sư hạ phẩm; 2. Từ “nếu có người hỏi những chúng sanh nào “trở xuống tức nêu lên quả báo nhiều của pháp sư hạ phẩm.

“Huống lại là người trọn hay đọc tụng” trở xuống tức nêu lên pháp sư trong đời hiện tại. Trong phần nêu lên pháp sư thượng phẩm cũng có hai phần:

1. Tổng quát so sánh nêu ra pháp sư thuộc thượng phẩm có công sâu được quả báo nhiều. Ở trên nói “nhấn đến một bài kệ một câu” tức là pháp sư thuộc hạ phẩm. Nay nói “trọn hay thọ trì đọc tụng” tức chỉ cho pháp sư thuộc thượng phẩm.

2. Nói “Được vương nên biết, người đó tự bỏ nghiệp báo thanh tịnh” tức riêng biệt nêu lên sự lập công sâu sắc của pháp sư thuộc thượng phẩm.

“Nếu có người thiện nam thiện nữ nào sau khi Như Lai diệt độ có thể riêng vì một người mà nói kinh này” trở xuống tức là nêu lên vị pháp sư sau khi Phật diệt độ. Căn cứ trong đây cũng có hai phần: 1. Pháp sư hạ phẩm sau khi Phật diệt độ; 2. Cũng như so sánh nêu ra pháp sư thượng phẩm. Trong phần nói pháp sư hạ phẩm tự có hai phần: 1. Nêu ra tướng của pháp sư hạ phẩm; 2. Nói “nên biết người này tức là sứ giả của Như lai” trở xuống tức là nêu ra sự lập công sâu sắc. “Huống gì ở trong đại chúng rộng vì người nói” tức là nêu lên pháp sư thượng phẩm sau khi Phật diệt độ. Trong đây lẽ ra có nói quả báo thường công nhưng không nêu ra, đến phần kệ tụng mới có.

“Được vương, nếu có người ác” trở xuống là phần thứ hai của Văn Trường hàng tức căn cứ vào môn tổng quát để nói lên pháp sư. Căn cứ trong đây tự có hai phần: 1. Nêu lên người nghịch lại với pháp sư thì mắc tội; 2. Nói lên người thuận theo pháp sư thì được phước. Trong phần thứ nhất lại có hai phần: 1. Chính nêu ra người trái nghịch với pháp sư thì mắc tội; 2. “Người ấy có đọc tụng “trở xuống tức nêu lên tướng lập công của pháp sư. Nay phần thứ nhất nêu ra “nếu thấy người thọ trì đọc tụng” thì không nên hủy báng. Sở do hủy báng người trì kinh thì mang tội nặng hơn huỷ báng Phật. Vì do hủy báng người này cho nên nay không thông hiểu kinh Pháp Hoa mà đoạn chủng tử Tam bảo nên phải chịu tội nặng. Tuy hủy báng Như Lai nhưng không thể khiến vĩnh viễn đoạn trừ chủng tử Tam bảo cho nên nói tội nhẹ. Ở đây chỉ chọn lấy một nghĩa để giải thích mà không có luận bàn đến ruộng phước dày mỏng. “Nếu có người đọc tụng” trở xuống tức là phần thứ hai “tướng lập công của pháp sư”. “Được như Lai dùng vai mang vác” tức nói lên người này

được Như lai xem trọng cho nên nói “mang vác” mà không nói “Như lai dùng thân mang vác”. “Người đó đến đâu” trở xuống là nêu lên người thuận theo kinh thì được phước. Phần này cũng có hai mục: có phần chính và có sự giải thích tức là báo đáp sâu dày.

“Mà nói kệ rằng: là phần kệ tụng thứ hai sau trường hàng nói về sự lập công, được báo đáp. Kệ này có mười lăm hàng kệ tự phân làm hai đoạn: 1. Có hai hàng kệ thẳng nêu rộng nghĩa khuyến khích đại chúng lúc ấy nên thọ trì kinh này mà trong Văn Trường hàng không có nói đến; 2. “Nếu người hay thọ trì” trở xuống có mười ba hàng kệ tụng phần văn trường hàng. Ở trên trong văn nói vốn có hai phần: 1. Căn cứ vào môn riêng biệt để nói lên pháp sư; 2. Căn cứ vào môn tổng quát để nói lên pháp sư. Nay xét trong mười ba hàng kệ cũng được phân làm hai phần: 1. Có bảy hàng tụng phần thứ nhất tức căn cứ vào môn riêng biệt để nói rõ pháp sư; 2. Có sáu hàng kệ tụng việc căn cứ vào môn tổng quát để nói lên pháp sư.

Trong văn căn cứ vào môn riêng biệt để nêu lên pháp sư lại có hai mục: 1. Nói lên pháp sư trong hiện tại; 2. Nói lên pháp sư sau khi Phật diệt độ. Căn cứ trong bảy hàng kệ cũng được phân làm hai. Trước hết có bốn hàng tụng về pháp sư trong hiện tại và sau có ba hàng tụng về pháp sư sau khi Phật diệt độ. Trong phần nêu lên pháp sư trong đời hiện tại vốn có hai hạng: hạ phẩm và thượng phẩm. Nay trong bốn hàng kệ thì một kệ ban đầu tụng về pháp sư hạ phẩm; ba hàng sau tụng về pháp sư thượng phẩm. Nhưng ở văn nêu ra pháp sư thuộc hạ phẩm tự có hai phần: 1. Nêu ra tướng lập công của pháp sư hạ phẩm; 2. Nêu ra quả báo nhiều. Nay trong một hàng kệ thì nửa kệ trước tụng tướng lập công của pháp sư thuộc hạ phẩm và nửa kệ sau tụng về quả báo nhiều. “Những người hay thọ trì “trở xuống ba hàng tụng về pháp sư thượng phẩm trong hiện tại. Ở văn trên vốn có hai phần. 1. Tổng quát so sánh tụng về tướng lập công sâu sắc của pháp sư thuộc thượng phẩm; 2. Riêng biệt tụng về tướng lập công sâu sắc của pháp sư thuộc thượng phẩm. Nay xét trong ba hàng kệ này cũng lại phân làm hai phần. Nửa hàng kệ đầu chính tụng về tướng lập công sâu dày của pháp sư tương ứng với ở trên nói “huống gì người trọn hay thọ trì” Hai hàng rưỡi kệ còn lại chính là tụng chi tiết tướng lập công sâu dày của pháp sư. “Đời ác sau ta diệt” trở xuống ba hàng tụng về pháp sư sau khi Phật diệt độ. Trong đây cũng có hai hạng pháp sư: thượng phẩm và hạ phẩm. Nay xét trong ba hàng cũng được phân làm hai và có phần ít không theo thứ tự. Ban đầu có hai hàng trước hết tụng so sánh nêu ra thượng phẩm, tương ứng với ở văn

trên nói “huống gì ở trong chúng rộng vì người nói”.

Trong văn trên không nêu lên báo đáp thưởng công nay trong kệ thì có. Hai hàng kệ này cũng được phân làm hai phần: 1. Nửa kệ đầu so sánh tụng về pháp sư thượng phẩm; 2. Từ “phải chấp tay lễ kính” trở xuống một hàng rưỡi kệ tụng về sự báo đáp sâu dày, nhưng trong Văn Trường hàng lại không nêu ra “Nếu người ở đời sau “trở xuống một hàng kệ tụng đảo lên phần pháp sư thuộc hạ phẩm. Ở văn trên vốn có hai phần: 1. Tụng pháp sư hạ phẩm; 2. Nói lên tướng lập công. Một hàng này cũng có hai mục: Nửa kệ đầu nêu lên mục thứ nhất và nửa kệ sau nêu lên mục thứ hai.

“Nếu ở trong một kiếp” trở xuống có sáu hàng kệ nêu lên phần thứ hai ở văn trên tức căn cứ vào môn tổng quát nói về pháp sư. Trong đó vốn có hai phần: 1. Nói lên người trái nghịch kinh này thì mắc tội nặng; 2. Nói lên người thuận theo kinh này thì được phước. Nay trong sáu hàng này cũng được phân làm hai: 1. Có hai hàng nêu lên phần thứ nhất tức trái nghịch với kinh này thì mắc tội rất nặng; 2. Từ “có người cầu Phật đạo” trở xuống bốn hàng tụng phần thứ hai tức thuận theo kinh này thì được phước.

“Được vương ! Nay bảo ông” trở xuống là đoạn thứ hai trong phẩm này. Đoạn đầu nói lập công được báo đáp và bảo tìm người lưu thông kinh”. Từ đây trở xuống đến phẩm nêu lên nguyên tắc lưu thông kinh và bảo nên chọn lấy người lưu thông kinh. Trong đây cũng có hai đoạn tức Trường hàng và kệ tụng và mỗi đoạn được phân làm hai. Xét trong Văn Trường hàng lại có ba phần: 1. Từ “Được vương nay bảo ông” trở xuống “phải biết đó là hạng tăng thượng mạn” tức trước hết khen ngợi kinh này; 2. Từ “nếu có người thiện nam, người thiện nữ nào sau khi đức Như lai diệt độ muốn vì hàng bốn chúng mà nói kinh Pháp Hoa này thì phải nói cách thế nào?” Trở xuống chính là nêu lên phương pháp lưu thông kinh; 3. Từ “Được vương, bấy giờ Ta ở nước khác sai hàng hóa nhơn” trở xuống đến phần Văn Trường hàng tức khuyến khích người lưu thông kinh.

Căn cứ trong phần khen ngợi kinh có năm nghĩa nối tiếp: 1. Trước hết nêu lên sự so sánh; 2. Dựa vào người mà khen ngợi; 3. Dựa vào nơi chốn mà khen ngợi; 4. Căn cứ vào nhân để khen ngợi; 5. Căn cứ vào quả để khen ngợi. Nếu đem các kinh mà so sánh thì kinh này là bậc nhất. Nếu nói về sự xứng hợp với căn cơ chúng sanh thì kinh này là bậc nhất, tức là trong năm thời kinh giáo đều xứng hợp với căn cơ của chúng sanh. Tuy nhiên nay không luận đến chỗ này mà chỉ nói hội nhập

phần trước, khai mở về sau tức là bậc nhất. Trước hội nhập tức luận về con đường khai mở ba thừa không khác và nói về vạn thiện đồng quy. Sau khai mở là nói lên vạn thiện đều thành tựu nên nghĩa thọ mạng của Phật lâu dài. Đây tức là khai mở đường trước thuộc Niết-bàn mà tạo ra nguyên do dần dần dẫn đến thường trụ. Tuy nhiên, trước và sau so với nhau thì cả hai nghĩa đều nói rõ. Nghĩa là thời sau tức nói ra những gì Phật đã nói, nay nói và sẽ nói. Đã nói tức là từ xưa đến nay đã nói giáo ba thừa; sẽ nói tức là chỉ cho giáo Niết-bàn sẽ nói. Nay nói tức là Pháp Hoa có nghĩa như vậy cho nên hợp gọi là bậc nhất. “Được vương nên biết, sau khi Như Lai diệt độ” trở xuống là nghĩa thứ hai nêu lên người để khen ngợi nhằm nói rõ kinh này ở nơi người tức được người khác tôn trọng và được Như lai lấy y từ bi trùm lên. Do tâm của Như lai tương hợp với lý đồng quy nên ý người này không sanh khởi hai cho nên nói “cùng ở chung”. “Này Được vương! Nơi nơi, chỗ chỗ” trở xuống là nghĩa thứ ba căn cứ vào nơi chốn mà khen ngợi nhằm nói lên kinh này ở chỗ nào thì chỗ ấy được tôn trọng. “Được vương, có rất nhiều người tại gia cùng xuất gia” trở xuống tức là nghĩa thứ tư nêu lên nhân để khen ngợi. “Có chúng sanh nào cầu Phật đạo” trở xuống tức nêu lên nghĩa phần thứ năm y cứ vào quả để khen ngợi. Trong nghĩa thứ năm này tự có năm ý nối tiếp: 1. Dùng pháp thuyết khen ngợi; 2. “Thí như có người” trở xuống là dùng thí dụ để khen ngợi; 3. “Bồ-tát cũng lại như vậy” trở xuống tức hợp thí dụ để khen ngợi; 4. “Vì sao” trở xuống tức giải thích sự khen ngợi; 5. “Nếu có Bồ-tát” trở xuống tức chỉ bảo và khuyến khích đại chúng lúc bấy giờ để khen ngợi. Nhị thừa giáo giống như đất “khô ráo”, còn “lúc ấy nói kinh vô lượng nghĩa” tức nói thẳng vạn thiện sẽ thành Phật như đất “ẩm ướt”. Nếu nói giáo nghĩa Pháp Hoa quyết định không có ba thừa mà đồng thời được thành Phật quả thì giống như đất bùn. “Được vương, kinh này khai mở môn phương tiện” tức khai mở giáo ba thừa làm phương tiện. “Chỉ ra tướng chơn thật” tức là chỉ ra lý đồng quy. “Tặng kinh Pháp Hoa này” tức kinh này nêu ra nhân để nói đến quả vi diệu. Do tất cả đều nằm ở trong đây cho nên nói là tặng. Do sâu thẳm chỉ có kim cương mới dò tìm được đáy cho nên nói là “sâu”. Do không thể phá hoại được cho nên nói là “kiên cố”. “Do lý ấy mờ mịt cho nên nói là “kín”. Do hành nhân lâu đạt đến cho nên nói là “xa”. Do ít người hiểu được lý ấy cho nên nói “không có người nào có thể đạt đến”.

“Nếu có người thiện nam, người thiện nữ nào” trở xuống tức là phần thứ hai nêu lên phương cách lưu thông kinh. Lại xét trong đây

có ba đoạn: 1. Trước hết giả thuyết hỏi phương pháp lưu thông kinh; 2. “Vào nhà Như lai” trở xuống tức thứ tự liệt kê nêu ra ba thứ chương môn thuộc quy tắc lưu thông kinh; 3. Riêng giải thích. Nay nói rõ đoạn thứ hai tức trong đây dùng pháp làm nguyên tắc lưu thông. Còn trong phần tổng quát lưu thông kinh bên dưới thì lấy các Bồ-tát như Dược vương v.v... tức dùng người làm quy tắc lưu thông. Tuy nhiên ở dưới nêu lên người mà không thể không có pháp, ở đây nếu pháp không thể không có người. Như vậy, người và pháp được hỗ tương nêu lên khiến cho hai nghĩa đều được hiển bày... “Nhà Như Lai là” trở xuống tức là đoạn thứ ba “thứ tự giải thích ba loại chương môn thuộc quy tắc của việc lưu thông kinh.

“Dược vương, bấy giờ Ta ở nước khác” trở xuống là nêu lên phần thứ ba “khuyến khích người lưu thông kinh. Xét trong phần này có năm đoạn: 1. Nêu lên việc Như Lai sai hóa nhơn làm nhóm chúng nghe pháp của người lưu thông kinh; 2. Cũng sai bốn bộ chúng lắng nghe sự nói pháp lưu thông kinh của người ấy; 3. Nêu lên “nếu ở trong rừng núi đồng trống không có người dân Ta cũng sai tám bộ trời, rồng v.v... lắng nghe người ấy nói kinh; 4. Nói lên nếu người này dù Đức Phật ở nơi phương khác cũng khiến người lưu thông kinh ấy thấy được thân của Phật; 5. Nói lên người này nếu khi lưu thông kinh có quên mất chương cú thì đức Phật dùng đạo lực thần thông khiến người ấy nhớ lại đầy đủ.

“Mà nói kệ rằng” là phần kệ tụng thứ hai sau Văn Trường hàng nói về nguyên tắc lưu thông kinh và bảo tìm người lưu thông kinh. Kệ gồm có mười tám hàng rưỡi kệ tự chia làm hai phần. Thứ nhất có một hàng kệ trước hết tổng khuyến khích mà không nêu lại phần Văn Trường hàng ở trên. Thứ hai: “Như người khách cần nước” trở xuống có mười bảy hàng rưỡi kệ là tụng về Văn Trường hàng ở trên. Nhưng trong Văn Trường hàng ở trên vốn có ba phần: 1. Khen ngợi kinh; 2. Nêu ra quy tắc lưu thông kinh; 3. Khuyến khích khiến lưu thông kinh. Nay mười bảy hàng rưỡi kệ này cũng được phân làm ba đoạn. Bốn hàng đầu tụng về phần thứ nhất; bốn hàng rưỡi kệ kế tiếp tụng về phần thứ hai. Và chín hàng còn lại tụng về phần thứ ba. Văn khen ngợi kinh ở trên có năm nghĩa khen ngợi. Nay bốn hàng đầu chỉ tụng nghĩa thứ năm tức căn cứ vào quả để khen ngợi. Trong nghĩa thứ năm ở trên tự có năm ý nối tiếp, Nay trong bốn hàng kệ này thì một hàng rưỡi kệ đầu tụng ý thứ hai tức dùng thí dụ để thuyết; hai hàng rưỡi kệ tiếp tụng ý thứ năm tức chỉ bảo và khuyến khích đại chúng ấy; Ba ý nối tiếp còn lại lược bớt không tụng “Nếu có người nói kinh này” trở xuống có bốn hàng rưỡi

kệ là đoạn tụng về phần thứ hai: quy tắc lưu thông kinh. Ở Văn Trường hàng trên vốn có ba đoạn nhưng nay không tụng đoạn thứ nhất: giả thiết hỏi để nêu ra pháp lưu thông kinh, mà chỉ tụng hai đoạn sau. Một hàng rưỡi kệ đầu tụng về ba loại chương môn thuộc pháp lưu thông kinh. Ba hàng kế tiếp chính là tụng về đoạn thứ ba tức giải thích. “Nếu sau khi ta diệt độ” trở xuống chín hàng kệ tụng về phần thứ ba ở trên: khuyến khích lưu thông. Ở văn trên vốn có năm đoạn và nay cũng tụng đủ hết nhưng không có thứ tự. Ban đầu có một hàng rưỡi kệ tụng đoạn thứ hai. Từ “dẫn đường các chúng sanh” trở xuống một hàng rưỡi kệ tụng đoạn thứ nhất. Từ “nếu người nói kinh này” trở xuống một hàng rưỡi kệ tụng đoạn thứ tư. Từ “nếu quên mất chương cú” trở xuống một hàng rưỡi kệ tụng đoạn thứ năm. Từ “nếu người ở chỗ vắng” trở xuống ba hàng tụng đoạn thứ ba.
